

Số: 1548/CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá vật tư
Bearing & shaft seal phục vụ
BDSCĐK năm 2027 của NMNĐ Sông
Hậu 1

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư Bearing & shaft seal phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2027 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp vật tư Bearing & shaft seal phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về trước ngày 23/8/2027.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00 ngày 26/8/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
- Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ Email: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; ngabtt@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Bùi Thị Thanh Nga – Phòng Thương mại, Tel: 0904217879.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- PGĐ H.Q.Thắng (e-copy);
- Lưu: VT, TM (BTTN).

Đính kèm:

- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.





PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số /CNPĐ-TM ngày /08/2026)

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
	PHÂN CƠ NHIỆT								
		ROOLER; CPL					SH1-DHI-PIHFC-M-M01-DGA-1004 (page 28/79)		
1		Spherical Roller Bearing (Roller Cpl)		23268YMBW37W45B	Timken		No: 62	13	EA
2		Cylindrical Roller Bearing (Roller Cpl)		NU2268EAMAW220C3	Timken		No: 63	13	EA
3		SPHERICAL ROLLER BEARING		24064EMB W33W45A (Thông số thực tế)	TIMKEN		No: 83	30	EA
		SPRING ASSEMBLY; CPL					SH1-DHI-PIHFC-M-M01-DGA-1004 (page 35/79)		
4		SPHERICAL ROLLER BEARING		24136EJW33/24136CCC/W33 (Thông số thực tế)	TIMKEN/SKF		No: 72	19	EA
		Cylinder spring		F280/140x210	RUHFS		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (O&MM) page: 760 - 762		

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
		Gearbox		Pulverizer GearBox-KPAV 125	HYOSU NG		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 366 - 370)		
5		BEARING		23236M.C3 (Thông số thực tế: 23236EMB33 C3)	TIMKEN		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 368) No: 2501	2	PC
6		BEARING		31330X.A100.200.N11CA (Thông số thực tế: Y31330)	TIMKEN		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 368) No: 2502	2	PC
7		BEARING		NU230EMC3 (Thông số thực tế: NU230EMA)	TIMKEN		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 368) No: 2503	2	PC
8		BEARING		32038X.A100.280.N11CA	TIMKEN		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 368) No: 2504	2	PC
9		BEARING		23238C3	TIMKEN		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 368) No: 2505	6	PC
10		BEARING		NU1064M.C3 (Thông số thực tế: NU1064MA)	TIMKEN		SH1-DHI-PIHFC-M-M01-MAN-0002 (page: 368) No: 2506	2	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
		Coal Feeder	P1/2HFB11-15AF001	Model 496-G	Merrick		SH1-DHI-P0HFB-M-M01-MAN-0002		PC
11		Bearing		6005 2Z	SKF		Thông số thực tế	10	PC
12		Oil seal		70 * 110 * 13 mm; HMSA10 RG	SKF		Thông số thực tế	20	PC
13		Oil seal		20 * 47 * 7 mm; HMSA10 RG	SKF		Thông số thực tế	10	PC
	Debris filter		P1PBB31AT001 P1PBB32AT001 P1PBB45AT001 P1PBB46AT001 P2PBB31AT001 P2PBB32AT001 P2PBB45AT001 P2PBB46AT001	'Type : Conical Rotor Type Housing Internal dia. : 70" (DN 1750) Install Direction : Horizontal Filter Basket perforation diameter : 5 mm Material: Screen material : 316L	Doosan		Drawing no.: SH1-DF-610		Set
14		BEARING-01		6316 ZZ	SKF / NSK		Part No: 2	2	PC
15		BEARING-02		6313 ZZ	SKF / NSK		Part No: 3	2	PC
	GAH								
				TYPE & SIZE: 2xCVUP3 13.2/2000	Doosan	Châu Âu/G7/OECD			SET
16		GEAR REDUCER					SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1665 (page: 38)		
		Bearing		33109	SKF	Châu Âu/G7/OECD	No: 16	8	PC
17		Bearing		33210	SKF	Châu Âu/G7/OECD	No: 17	8	PC
18		Bearing		32216	SKF		No: 18	4	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
19		Bearing		32026	SKF	Châu Âu/G7/OECD	No: 19	2	PC
20		Bearing		32028	SKF	Châu Âu/G7/OECD	No: 20	2	PC
21		OIL SEAL		D 45x60x9	SKF		No: 21	8	PC
22		OIL SEAL		D 170x200x16	SKF		No: 22	4	PC
23		OIL SEAL		D 150x180x14	SKF		No: 23	4	PC
	Mill Seal air fan		P1/2HFW21/31AN 001	TYPE: NV-BD #8.0	TONGYANG		SH1-DHI-PIHFW-M01-DAL-1569		PC
24		Bearing		6316	NSK	Châu Âu/G7/OECD	No: 6	4	PC
	Purge air fan to burner		P1/2HHS01/02AN 001	TYPE: NV-BD #4.0	TONGYANG	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-PIHHS-M01-DAL-1570		PC
25		Bearing		6308C3	NSK		No: 6	2	PC
	Sprockets for Wheel Drive Station			Chain wheel type GIA-3 (chain 30x120)	HEKO	Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0ETA-M01-MAN-1021 (Page: 1451)		EA
26		Bearing for Return Pulley Lower Trough		T4CB 100/Q	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số thực tế	24	PC

S/TT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
27		Bearing 22222 EK		TYPE: Spherical roller bearing MODEL/IBI NUMBER/PART NUMBER: 22222 EK OUTSIDE DIAMETER: 200 mm INSIDE DIAMETER: 110 mm WIDTH: 53 mm LIMITING SPEED: 4000 mm MATERIAL: N/A MANUFACTURER: SKF	SKF		Thông số thực tế	10	PC
28		Shaft Seal		95x120x12 HMSA10 RG	SKF		Thông số thực tế	16	PC
29		Shaft Seal		110x130x12 HMSA10 RG	SKF		Thông số thực tế	8	PC
30		Lock nut		KM19	SKF		Thông số thực tế	12	PC
31		Lock washer		MB 19	SKF		Thông số thực tế	12	PC
	Drag Chain Conveyor		P1/2ETA13AF001	D-10514-2016-K0	Doosan/KC Cottrell				
32		Bearing for Drive Station		22228 CCK/W33	SKF		SH1-DHI-P0ETA-M-M01-MAN-1021 (Page: 1459) No: 008	4	PC
33		Bearing for Tension Station		22213 EK	SKF		SH1-DHI-P0ETA-M-M01-MAN-1021 (Page: 1460) No: 016	2	PC
	Clinker Ginder		P1/2ETA11AJ001/002	Model : JSRC 2420	JUNG SIN				
	Lubrication System								



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
	Bơm nhớt chính		P1MAV20AP001 P1MAV20AP002 P2MAV20AP001 P2MAV20AP002	Model: NSS 150-500/11/484 W106 No. ofstages: 01 Shaft seal: Without Design pressure: 16 bar at 125° C	Allweiler		SH1-DHI-P1MAV- M-M01-DAS-3094- rev1 Dwg. No: 159-310		Set
	Gas Gas Heater		P1HTB10AC001 P2HTB10AC001	Type: CVO 12.80/0.700E Balcke-Dürr Order Number: G1/220014211	Balcke-Dürr		SH1-HEG-P0HTB- M-M05-DGA-8009		
34	GGH/Drive Unit	Oil seal	P1HTB10AE001 P1HTB10AE002 P2HTB10AE001 P2HTB10AE002	150x225x15 HMSA 10 V	SKF		Theo thực tế	4	PC
	FGD/Purge gas fan GGH		P1HTA20AN001 P2HTA20AN001	Fan Type: VR40S2MC1UK1250 Công suất ĐC 75 kw n = 1480 v/p Lưu lượng: 21.747 m ³ /h	POLLRI CH				
	Bearing for pulley								
35		Bearing 22217 EK		22217 EK	SKF		Thông số lấy theo thực tế	6	PC
36		Adapter sleeve H 317		H 317	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	6	PC
37		Bearing 22220 EK		22220 EK	SKF		Thông số lấy theo thực tế	6	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bán vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
38		Adapter sleeve H 320		H 320	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	6	PC
39		Adapter sleeve H 322		H 322	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	6	PC
40		Bearing 22226 EK		22226 EK	SKF		Thông số lấy theo thực tế	4	PC
41		Adapter sleeve H 3126		H 3126	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	4	PC
42		Adapter sleeve H 3128		H 3128	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	2	PC
43		Bearing 22230 CCK/W33		22230 CCK/W33	SKF		Thông số lấy theo thực tế	2	PC
44		Adapter sleeve H 3130		H 3130	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	2	PC
45		Bearing 23140 CCK/W33		23140 CCK/W33	SKF		Thông số lấy theo thực tế	2	PC
46		Adapter sleeve H 3140		H 3140	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	2	PC
47		Bearing 23236 CCK/W33		23236 CCK/W33	SKF		Thông số lấy theo thực tế	2	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
48		Adapter sleeve H 2336		H 2336	SKF	Châu Âu/G7/OECD	Thông số lấy theo thực tế	2	PC
		Fluid Coupling Khớp nối thủy lực			SIEMENS FLENDER				set
49		Bearing 22224 EK		22224 EK	SKF		SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
50		Adapter sleeve H 3124		H 3124	SKF	Châu Âu/G7/OECD	SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
51		Bearing 22218 EK		22218 EK	SKF		SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
52		Adapter sleeve H 318		H 3118	SKF		SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
53		Bearing housing STL 2224 K		STL 2224 K	HFB		SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
54		Bearing housing SNL 518-615		SNL 518-615	SKF		SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
55		Labyrinth seal TSN 518 S		TSN 518 S	SKF	Châu Âu/G7/OECD	SH1-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 page 3301	2	PC
	Spillage conveyor								
56		Bearing 6018 Z		6018 Z Din 625	SKF		SH1-FAM-P0EAA01-M-M02-DSU-0530 page 201/219	2	PC
	Bucket.Elevator.Head				FAM				

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
57		Bearing 23056 CC/W33_E		23056 CC/W33_E DIN 635	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 322/506	2	PC
58		Shaft seal 300x340x20 HMS5 RG		300x340x20 HMS5 RG	SKF	Châu Âu/G7/OECD	SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 322/506	1	PC
		Chain deflection							
59		Bearing 22224 E		22224 E	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 222/506	8	PC
60		Bearing 24030 CC/W33		24030 CC/W33	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 259/506	8	PC
61		Vring seal VA 190 V		Vring seal VA 190 V	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 259/506	8	PC
62		Shaft seal 180x210x15 HMS5 RG		180x210x15 HMS5 RG	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 222/506	4	PC
		Shear leg bucket elevator head							
63		Bearing 23024 CC/W33		23024 CC/W33	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 223/506	2	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
64		Shaft seal 160x190x15 HMS5 RG		160x190x15 HMS5 RG	SKF		SH1-NAR-P0EAA01-M-M02-MAN-0016 Rev.0 page 223/506	4	PC
	PHÂN ĐIỆN - MÁY ĐÓNG								
	Coal Pulverizer								
65	Động Cơ Hệ Thống Classifier Motor A/B/C/D/E	Bearing	P2HFC11/12/13/14/ 15AJ001	Bearing: NU 316 ECP Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 300 kN; - Tải trọng tĩnh: 290 kN; - Vận tốc tham khảo: 4 300 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 000 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		5	PC
66	Động Cơ Hệ Thống Classifier Motor A/B/C/D/E	Bearing	P2HFC11/12/13/14/ 15AJ001	Bearing: 6313/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 700 v/ph;	SKF			29	PC
67	Động cơ Mill Seal Air Fan	Bearing	P2HFW21/31AN00 1	Bearing: 6318/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 151 kN; - Tải trọng tĩnh: 108 kN; - Vận tốc tham khảo: 7 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 800 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		13	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
68	Động cơ Mill Seal Air Fan	Bearing	P2HFW21/31AN001	Bearing: 6316/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 130 kN; - Tải trọng tĩnh: 86.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 300 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		14	PC
	Mill Reject Handling System								
69	Máy nén khí vận chuyển tạp vật	Bearing	P2ETD10AN(001/002)-M	Bearing: 6215-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 68.9 kN; - Tải trọng tĩnh: 49 kN; - Vận tốc tham khảo: 10 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 300 v/ph;	SKF			2	PC
	Coal Feeder & Coal burner								
70	COAL FEEDER MAIN MOTOR A/B/C/D/E	Bearing	P2HFB11/12/13/14/15AF001	Bearing: 6206-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 20.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 11.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 24 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 12 000 v/ph;	SKF			17	PC
71	COAL FEEDER CLEAN-OUT MOTOR A/B/C/D/E	Bearing	P2HFB11/12/13/14/15AF001	Bearing: 6202-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 8.06 kN; - Tải trọng tĩnh: 3.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 43 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 22 000 v/ph;	SKF			10	PC
	Flue & Gas System								
	PAF								

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
72	P.A.FAN A(B)- LUBE OIL PUMP MOTOR A(B)	Bearing	P2HFE01/02AP001 /2	Bearing: 6204-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6.55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 17 000 v/ph;	SKF			218	PC
73	P.A.FAN A(B)- LUBE OIL PUMP MOTOR A(B)	Bearing	P2HFE01/02AP001 /2	Bearing: 6203-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9.95 kN; - Tải trọng tĩnh: 4.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 19,000 v/ph;	SKF			16	PC
74	P.A.Fan A(B) - Turning Gear Motor A(B)	Bearing	P2HFE(01/02)AE0 01	Bearing: 6308-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 42.3 kN - Tải trọng tĩnh: 24 kN - Vận tốc tham khảo: 17 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 500 v/ph;	SKF			32	PC
	IDF								
75	I.D.Fan A(B) - Oil Unit Pump Motor A(B)	Bearing	P2HNC11/21AP00 1/002	Bearing 6306-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 29.6 kN; - Tải trọng tĩnh: 16 kN; - Vận tốc tham khảo: 20 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11 000 v/ph;	SKF			18	PC
76	I.D.Fan A(B) - Cooling & Sealing Air Fan Motor A(B)	Bearing	P1HNC12/22AN00 1/002	Bearing: 6209-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21.6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,500 v/ph;	SKF			9	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
	Sootblower System								
77	IR2H Sootblower Motor	Bearing	P2HCB27/28AT.,	Bearing: 6201-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 7.28 kN; - Tải trọng tĩnh: 3.1 kN; - Vận tốc tham khảo: 50 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 26 000 v/ph;	SKF			120	PC
78	IK545 Sootblower Motor	Bearing	P2HCB22/23/24/25/26AT.,	Bearing: 6205-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 14.8kN; - Tải trọng tĩnh: 7.8 kN; - Vận tốc tham khảo: 28 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 14 000 v/ph;	SKF			194	PC
	Bottom Ash System								
79	Clinker Grinder A/B	Bearing	P2ETA11/12AJ001 M/002M	Bearing: NU 314 ECP Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 236 kN; - Tải trọng tĩnh: 228 kN; - Vận tốc tham khảo: 4 800 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 600 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
80	Clinker Grinder A/B	Bearing	P2ETA11/12AJ001 M/002M	Bearing: 6213-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 000 v/ph;	SKF			14	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
81	Sludge Pump A/B	Bearing	P2ETA41/42AP001 M	Bearing: 6208-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 18 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9 000 v/ph;	SKF			17	PC
	Main Turbine								
	Gland Steam System								
82	Blower A(B) For TBN Gland Steam Condensate Exhaust	Bearing	P2MAW60AN001/ 002	Bearing: 6212-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 300 v/ph;	SKF			4	PC
	HP/LP Bypass System								
	Condensate System								
	Condensate Vacuum Pump								
83	Condenser Vacuum Pump Motor	Bearing	P2MAJ31/32/33AP 001M	Bearing: 6319/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 159 kN; - Tải trọng tĩnh: 118 kN; - Vận tốc tham khảo: 7 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 500 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		9	PC
	Condensate Pump								
	Condensate Polishing System								

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
84	AIR BLOWER-1(2) For POLISHER AREA-1	Bearing	P0LDF31/32AN00 1	Bearing 6213/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7 500 v/ph;	SKF			4	PC
85	DRAIN PIT PUMP-1 FOR POLISHER AREA-1	Bearing	P2LDR11/12AP001	Bearing NU 210 ECP Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 73.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 69.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9 000 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		3	PC
86	AIR BLOWER-1(2) FOR REGENERATION	Bearing	P0LDP41/42AN00 1	Bearing 6210/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10 000 v/ph;	SKF			2	PC
87	SLUICE & REGENERATION WATER PUMP-1(2)	Bearing	P0LDP51/52AP001	Bearing 6212-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 000 v/ph;	SKF			4	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
88	Waste Water Transfer Pump Motor	Bearing	P0LDR11AP001M P0LDR12AP001M	Bearing: 6210-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 000 v/ph;	SKF			6	PC
	Feed Water System								
	Auxiliaries Cooling Water System								
89		Bearing	P2PCB09/10AP001	Bearing: 6320/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 174 kN; - Tải trọng tĩnh: 140 kN; - Vận tốc tham khảo: 6 700 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 300 v/ph;	SKF			1	PC
	Closed Cooling Water System								
90		Bearing	P2PGB02/03AP001	Bearing: NU 1028 ML Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 204 kN; - Tải trọng tĩnh: 255 kN; - Vận tốc tham khảo: 3 600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 300 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		1	PC
91		Bearing	P2PGB02/03AP001	Bearing: 6028/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 108 kN; - Vận tốc tham khảo: 6 700 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 000 v/ph;	SKF			1	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
92		Bearing	P2PGB02/03AP001	Bearing: NU 1028/ C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 200 kN; - Tải trọng tĩnh: 245 kN; - Vận tốc tham khảo: 3 600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 600 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
	Lube & Hydraulic Oil for BFPT System								
93	Main Oil Pump & Auxiliary Oil Pump Motor	Bearing	P2LAV40/50AP001/002M	Bearing: 6313-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 300 v/ph;	SKF			5	PC
94	Turning gear motor for BFPT A(B)	Bearing	P2MAK30AE001/002	Bearing: 6207-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 27 kN; - Tải trọng tĩnh: 15.3 kN; - Vận tốc tham khảo: 20 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10 000 v/ph;	SKF			10	PC
	Generator Shaft Sealing Oil System								

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
95	MAIN SEAL OIL PUMP MOTOR FOR GENERATOR-A/B	Bearing	P2MKW03AP001(2)M	Bearing: 6310-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 65 kN; - Tải trọng tĩnh: 38 kN; - Vận tốc tham khảo: 13 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 500 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
96	MAIN SEAL OIL PUMP MOTOR FOR GENERATOR-A/B	Bearing	P2MKW03AP001(2)M	Bearing: 6210-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10 000 v/ph;	SKF			2	PC
	Electrical								
	Generator Circuit Breaker								
97	Quạt làm mát máy cắt dầu cực	Bearing		Bearing: 6202-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 8.06 kN; - Tải trọng tĩnh: 3.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 43 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 22 000 v/ph;	SKF			24	PC
	BOP								
	Coal Jetty & CSU								

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
98	Quạt giải nhiệt cho động cơ quay cần	Bearing	P0EAA01/02AN00 3/004	Bearing: 608-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 3.45 kN; - Tải trọng tĩnh: 1.37 kN; - Vận tốc tham khảo: 75 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 38 000 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		70	PC
99	Động cơ quay mâm cấp	Bearing	P0EAA01/02AE00 1/002	Bearing: 6312 -2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85.2 kN; - Tải trọng tĩnh: 52 kN; - Vận tốc tham khảo: 11 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 400 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		4	PC
100	Động cơ di chuyển	Bearing	P0EAA01/02AE01 1-AE030	Bearing: 6308-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 42.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 24 kN; - Vận tốc giới hạn: 5 000 v/ph;	SKF			73	PC
101	Động cơ di chuyển	Bearing	P0EAA01/02AE01 1-AE030	Bearing: 6207-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 27 kN; - Tải trọng tĩnh: 15.3 kN; - Vận tốc giới hạn: 6 300 v/ph;	SKF			40	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
102	Động cơ quay cần	Bearing	P0EAA01/02AE00 3/004	Bearing: 6312-2RS/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85,2 kN; - Tải trọng tĩnh: 52 kN; - Vận tốc tham khảo: 11 000 v/ph - Vận tốc giới hạn: 7 000 v/ph;	SKF			4	PC
103	Động cơ quay cần	Bearing	P0EAA01/02AE00 3/004	Bearing: 6212-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13 000 v/ph - Vận tốc giới hạn: 4 000 v/ph;	SKF			11	PC
104	Động cơ quay gầu CSU	Bearing	P0EAA01/02AF00 1	Bearing: 6317-M/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 140 kN; - Tải trọng tĩnh: 96,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7 500 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		4	PC
105	Động cơ hút bụi CSU	Bearing	P0EAA01/02AN03 3	Bearing: 6309-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9 500 v/ph;	SKF			6	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
106	Quạt giải nhiệt động cơ di chuyển	Bearing	P0EAA01/02AN01 1- AN030	Bearing: 6001-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 5.4 kN; - Tải trọng tĩnh: 2.36 kN; - Vận tốc tham khảo: 60 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 30 000 v/ph;	SKF			65	PC
107	Động cơ băng tải cần	Bearing	P0EAA01/02AF00 1	Bearing: 6316-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 130 kN; - Tải trọng tĩnh: 86.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 300 v/ph;	SKF			4	PC
108	Động cơ bơm mỡ bánh răng trung tâm	Bearing	P0EAA01/02AP00 3-007	Bearing: 6201-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 7.28 kN; - Tải trọng tĩnh: 3.1 kN; - Vận tốc tham khảo: 50 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 26 000 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		20	PC
109		OIL SEAL	P0EAA01/02AN00 3/004	W AS55x72x8-FKM-OF-K51	SEW-EUROD RIVE			2	PC
110		OIL SEAL	P0EAA01/02AE01 1-AE030	W A40x52x7-FKM-FKO	SEW-EUROD RIVE			34	PC
111		OIL SEAL	P0EAA01/02AE00 3/004	W AS52x62x8-FKM-OF	SEW-EUROD RIVE			2	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
	Stacker & Relainer								
112	Belt Conveyor Drive Động cơ băng tải cân SR41/42	Bearing	P0EAD41/42.AF00 2	Bearing: 6314-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 68 kN; - Vận tốc tham khảo: 9 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 300 v/ph;	SKF			1	PC
113	Hoisting drive boom hydraulic Động cơ thủy lực nâng hạ cần	Bearing	P0EAD41/42.AP00 1	Bearing: 6314-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 64 kN; - Vận tốc tham khảo: 9 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5 000 v/ph;	SKF			10	PC
	Ash Handling System								
	Fly Ash Handling System								
114	Máy nén khí tro bay	Bearing	P0ETP10AN001/00 2/003/004/005/006	Bearing: 6220/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 127 kN; - Tải trọng tĩnh: 93 kN; - Vận tốc tham khảo: 7 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 800 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
115	Silo root Blower	Bearing	P0ETP11AN001/00 2/003	Bearing: 6215-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 68.9 kN; - Tải trọng tĩnh: 49 kN; - Vận tốc giới hạn: 3 200 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		3	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
116	ESP Hopper Fluidizing Roots Blower-1/2/3/4	Bearing	P1/P2ETP10AN001 M/002M	Bearing: NU309 ECP/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 112 kN; - Tải trọng tĩnh: 100 kN; - Vận tốc tham khảo: 7 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 500 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
117	Rotary Vane Feeder- 1/-5 for Wet Unloading System	Bearing	P1/P2ETH11BZ002	Bearing: 6208-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc giới hạn: 5 600 v/ph;	SKF			30	PC
118	Rotary Vane Feeder- 3/4/7/8	Bearing	P1/P2ETA12BZ001 /002	Bearing: 6205-2RSH/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 14.8 kN; - Tải trọng tĩnh: 7.8 kN; - Vận tốc tham khảo: 28 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 500 v/ph;	SKF			6	PC
119	Rotary Vane Feeder- 3/4/7/8	Bearing	P1/P2ETA12BZ001 /002	Bearing: 6204-2RSH/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6.55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10 000 v/ph;	SKF			8	PC
120	Ash Conditioner-1/-2 for Wet unloading System	Bearing	P1/P2ETH11BZ005	Bearing: 6313-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 200 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
121	Ash Conditioner-1/-2 for Wet unloading System	Bearing	P1/P2ETH11BZ005	Bearing: 6210-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 800 v/ph;	SKF			4	PC
122	Motorized Unloading Spout -1/-2 for Dry unloading System	Bearing	P1/P2ETH11BZ003	Bearing: 6203-2RSH/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9.95 kN; - Tải trọng tĩnh: 4.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 38 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 12 000 v/ph;	SKF			2	PC
123	Vent fan at Silo-1/-2 Top	Bearing	P1/P2ETH10AT001	Bearing: 6209-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21.6 kN; - Vận tốc giới hạn: 5 000 v/ph;	SKF			8	PC
124	Flocculator	Bearing	P0ETN14AP004	Bearing: 6204-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6.55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 17 000 v/ph;	SKF			5	PC
125	Recovery Water Pump-1(2)	Bearing	P0ETN15AP001/002	Bearing: 6213-2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 600 v/ph;	SKF			2	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
	Compressor Air System								
126	AIR COMPRESSOR A/B/C-MOTOR	Bearing	POSCA01AN001M POSCA02AN001M POSCA03AN001M	Bearing: 6324 /C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 208 kN; - Tải trọng tĩnh: 186 kN; - Vận tốc tham khảo: 5 600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 400 v/ph;	SKF			2	PC
127	AIR COMPRESSOR A/B/C-MOTOR	Bearing	POSCA01AN001M POSCA02AN001M POSCA03AN001M	Bearing: 6322 /C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 203 kN; - Tải trọng tĩnh: 180 kN; - Vận tốc tham khảo: 6 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 800 v/ph;	SKF			2	PC
	FGD System								
	Absorbing System								
128	Absorber Recycle Pump 1/2/3/4	Bearing	P2HTF11/12/13/14 AP001	Bearing: NU226ECJ Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 415 kN; - Tải trọng tĩnh: 455 kN; - Vận tốc tham khảo: 3 200 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 400 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		8	PC
129	Absorber Recycle Pump 1/2/3/4	Bearing	P2HTF11/12/13/14 AP001	Bearing: 6226C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 156 kN; - Tải trọng tĩnh: 132 kN; - Vận tốc tham khảo: 5 600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 600 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		3	PC
	Gypsum dewatering and handling system								



STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
130	Motor gypsum conveyor 11-12	Bearing	P0HTP11AF001 P0HTP12AF001	Bearing: 6311-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 74.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 45 kN; - Vận tốc tham khảo: 12 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 300 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		16	PC
131	GYPSUM RECLAIMER TRANSLATION	Bearing	P0HTP70AF001 - M02	Bearing 6306-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 29.6 kN; - Tải trọng tĩnh: 16 kN; - Vận tốc tham khảo: 20 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11 000 v/ph;	SKF			4	PC
132	GYPSUM RECLAIMER CHAIN ROTATION	Bearing	P0HTP70AF002 - M04	Bearing: 6313-M/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9 500 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
	Limestone Handling & Mill System								
133	Motor limestone crusher 11(12)	Bearing	P0HTJ11AJ001	Bearing: NU222- EM1 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 345 kN; - Tải trọng tĩnh: 365 kN; - Vận tốc tham khảo: 3 300 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3 400 v/ph;	FAG	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
	Fuel Oil Supply System								

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
134	DO FORWARDING PUMP MANUAL	Bearing	P0EGC05/06/07AP 001M	Bearing: 6222/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 151 kN; - Tải trọng tĩnh: 118 kN; - Vận tốc tham khảo: 6 700 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4 300 v/ph;	SKF	Châu Âu/G7/OECD		2	PC
	Main Cooling Water System								
135		Bearing	P2PAC10/20AP001 M	Bearing: 6060 M Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 358 kN; - Tải trọng tĩnh: 500 kN; - Vận tốc tham khảo: 2 800 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 2 400 v/ph;	SKF			1	PC
	Water Treatment								
	Demineralized Water Storage and Transfer System								
136	Ultrafiltration feed pump motor	Bearing	P0GCD26/27/28AP 001	Bearing: 6309-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7 500 v/ph;	SKF			11	PC
137	Ultrafiltration feed pump motor	Bearing	P0GCD26/27/28AP 001	Bearing: 6307-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 19 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9 500 v/ph;	SKF			1	PC

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị
138	Filtered backwash water pump motor	Bearing	POGCR11/12AP00 IM	Bearing: 6209-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21.6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8 500 v/ph;	SKF			2	PC
139	Filtered backwash water pump motor	Bearing	POGCR11/12AP00 IM	Bearing: 6311-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 74.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 45 kN; - Vận tốc tham khảo: 12 000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 300 v/ph;	SKF			1	PC
140	RO high pressure pump Motor	Bearing	POGCF27/28AP001	Bearing: 6314/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 68 kN; - Vận tốc tham khảo: 9 500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6 300 v/ph;	SKF			1	PC



PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 1548/CNPD-TM ngày 14 /08/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư Bearing & shaft seal phục vụ BDSCĐK năm 2027 của NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(ký tên, đóng dấu)

